

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 186/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25/12/2025

Về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Minh Sơn

2. Bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Huyền Giao - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – An Giang: Vụ án không thuộc trường hợp có Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 04 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2025/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2025/QĐXX-HNGĐ, ngày 17 tháng 11 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 99/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05/12/2025 và Thông báo dời ngày mở phiên tòa xét xử sơ thẩm số 15/TB-TA ngày 17/12/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1986 (có mặt);

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp X, xã V, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn C được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang cũ (nay là UBND xã Đ, tỉnh An Giang) vào ngày

20/3/2006. Vợ chồng chung sống đến đầu năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, ông C thường hay ghen tuông và có lời lẽ xúc phạm bà N. Đến tháng 09/2024 thì bà N và ông C sống ly thân, bà N đi lao động ở nước ngoài vài tháng mới về để con lại cho ông C chăm sóc, nuôi dưỡng. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông C.

- Về con chung: Bà N và ông C có 02 người con chung tên Nguyễn Gia K, sinh ngày 19/11/2006 (đã trưởng thành) và người con nhỏ tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 04/6/2023. Khi ly hôn bà N đồng ý giao con chung tên Nguyễn Gia H cho ông C tiếp tục nuôi dưỡng, bà N không cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản và nợ chung: Bà N và ông C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày, tuy nhiên tại biên bản hòa giải ngày 27/10/2025 bị đơn ông Nguyễn Văn C có ý kiến:

Về quan hệ hôn nhân, hiện tại ông C và bà N không có gì mâu thuẫn lớn. Vợ chồng vẫn còn chung sống trong gia đình. Về con chung do cháu Nguyễn Gia H còn nhỏ nên ông C mong muốn vợ chồng có thể hàn gắn để cùng nhau nuôi dạy con nên người, vì vậy ông C không đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông C và bà N có 02 người con chung tên Nguyễn Gia K, sinh ngày 19/11/2006 (đã trưởng thành) và Nguyễn Gia H, sinh ngày 04/6/2023. Ông C không đồng ý ly hôn nhưng nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông C yêu cầu được nuôi 02 người con chung không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Ông C và bà N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; Bản sao giấy khai sinh tên Nguyễn Gia H; Đơn xin xác nhận nơi cư trú bị đơn.

Bị đơn cung cấp: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn C được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N với ông Nguyễn Văn C là hợp pháp. Tại phiên tòa, mặc dù ông C vắng mặt, nhưng Hội đồng xét xử vẫn phân tích, động viên bà N hàn gắn với ông C để tiếp tục chung sống nuôi dạy con chung, nhưng bà N kiên quyết xin ly hôn cho thấy tình cảm vợ chồng giữa bà N với ông C không còn, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất cho bà N được ly hôn với ông C.

Về con chung: Ông C và bà N có 02 người con chung tên Nguyễn Gia K, sinh ngày 19/11/2006 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 04/6/2023. Theo bà N trình bày thì khoảng tháng 09/2024 bà N và ông C sống ly thân, bà N đi lao động ở nước ngoài để 02 con lại cho ông C nuôi dưỡng đến nay. Người con lớn là Nguyễn Gia K đã trưởng thành nên bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với người con nhỏ là cháu Nguyễn Gia H thì bà N thống nhất để cho ông C tiếp tục nuôi dưỡng, bà N không cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản hòa giải ngày 27/10/2025 ông C trình bày là nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông C yêu cầu được nuôi 02 con chung.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi bà N và ông C ly thân vào tháng 9/2024 thì cháu Nguyễn Gia H chỉ mới khoảng 15 tháng, sau đó bà N đi lao động ở nước ngoài, ông C là người chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, hiện tại thì cháu K đã trưởng thành, cháu Nguyễn Gia H thì còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi. Tại khoản 2 và khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”.

Hiện tại, cháu Nguyễn Gia H chưa đủ 36 tháng tuổi, theo quy định phải giao cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, tuy nhiên, theo đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa, bà N đồng ý giao con chung cho ông C tiếp tục nuôi dưỡng. Nhận thấy, từ khi bà N và ông C ly thân đến nay, ông C là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, hiện tại cháu Nguyễn Gia H vẫn phát triển và khỏe mạnh bình thường như bao trẻ em cùng trang lứa. Ông C cũng có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 04/6/2023 cho ông C tiếp tục nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã giải thích về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha, mẹ đối với con chung khi ly hôn nhưng bà N trình bày là không cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản hòa giải ngày 27/10/2025 ông C cũng trình bày là không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Do các đương sự không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về chia tài sản chung: Bà N và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết, để hai bên tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà N phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị N đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0003568 ngày 09/10/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 271, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 04/6/2023 cho ông Nguyễn Văn C tiếp tục nuôi dưỡng, bà N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của ông C.

3. Về chia tài sản chung: Bà N và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà N phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0003568 ngày 09/10/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh An Giang.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6;
- Thi hành án Dân sự tỉnh An Giang;
- Phòng Thi hành án Khu vực 6 – An Giang;
- Ủy ban nhân dân xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Tuấn Khanh